

Số: 2655/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh
khóa V nhiệm kỳ 2020 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành
Luật quy định quyền lập hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số
33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4
năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP
ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và
quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1196/TTr-SNV
ngày 15 tháng 10 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã được Đại hội lần thứ V, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Liên minh Hợp tác xã tỉnh thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP và các CV: VX, TH;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH KHÓA V, NHIỆM KỲ 2020 - 2025
(Kèm theo Quyết định số **2655/QĐ-UBND** ngày **20 tháng 10 năm 2020**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: **Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế**
2. Tên tiếng Anh: **Thua Thien Hue Cooperative Alliance**
3. Tên viết tắt: **TTHCA**

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế được Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; giữ vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế là tổ chức đại diện của các thành viên, bao gồm Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Tổ hợp tác và các thành viên khác trên địa bàn tỉnh tự nguyện tham gia; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên; dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển và làm cầu nối giữa kinh tế tập thể, hợp tác xã với Đảng và Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, sử dụng thống nhất biểu tượng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; hoạt động theo pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.

2. Trụ sở của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế đặt tại 16 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế, được gia nhập làm thành viên của các tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tuân thủ theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh thống nhất với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Thuộc hệ thống tổ chức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
3. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.
4. Mỗi quan hệ giữa Liên minh Hợp tác xã tỉnh với các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh là mối quan hệ phối hợp.
5. Tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thống nhất mục tiêu và hành động.
6. Hợp tác vì sự phát triển của cộng đồng, của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 6. Chức năng

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên; đại diện cho các thành viên trong quan hệ với các tổ chức ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
2. Tham mưu, tham gia xây dựng, phản biện chủ trương, chính sách và pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã.
3. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tập hợp và vận động phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
4. Tư vấn, hỗ trợ và thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; hoạt động kinh tế khác.
5. Tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết và Điều lệ để củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham gia xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế tập thể, hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của các thành viên để phản ánh, kiến nghị, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và địa phương.
3. Nhận ủy quyền, thay mặt thành viên thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên.
4. Tham mưu, tham gia xây dựng chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
5. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác tuyên truyền, phổ biến và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã; thực hiện giám sát và phản biện xã hội theo quy định của Đảng, Nhà nước.
6. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

7. Tập hợp, vận động phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành nghề, vùng trên phạm vi toàn tỉnh.

8. Thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ công cho các thành viên về pháp lý, đầu tư, khoa học - công nghệ, đào tạo, thông tin, tài chính, tín dụng, thị trường, kiểm toán và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức các hoạt động kinh tế vì mục tiêu phát triển hệ thống Liên minh Hợp tác xã và hỗ trợ thành viên; huy động các nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước để đầu tư phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

10. Tham gia hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ; tiếp nhận và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ, viện trợ để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

11. Tập hợp, liên kết phát triển thành viên; củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tổ chức các hoạt động thi đua trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

12. Phối hợp với cấp ủy và chính quyền địa phương xây dựng, triển khai các giải pháp, chương trình, kế hoạch và đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

13. Thực hiện một số nhiệm vụ quản lý đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, các nhiệm vụ khác do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giao, ủy thác.

Chương III THÀNH VIÊN

Điều 8. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Liên minh Hợp tác xã có thành viên chính thức và thành viên liên kết.

a) Thành viên chính thức là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác tự nguyện gia nhập và tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

b) Thành viên liên kết là các tổ chức kinh tế, xã hội, các hội, hiệp hội ngành nghề, các cơ quan nghiên cứu khoa học, đào tạo, các tổ chức kinh tế khác trong nước tự nguyện gia nhập và tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Thành viên chính thức và thành viên liên kết của Liên minh Hợp tác xã tỉnh đồng thời là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Thủ tục gia nhập thành viên được thực hiện theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 9. Quyền của thành viên

1. Được Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

a) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Hỗ trợ, tư vấn và cung cấp dịch vụ nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh; giúp đỡ khi gặp khó khăn.

c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Cung cấp thông tin liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

đ) Khen thưởng hoặc đề nghị Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng khi lập thành tích xuất sắc.

2. Tham gia các hoạt động:

a) Thảo luận, đề xuất, kiến nghị các vấn đề về chính sách, pháp luật có liên quan và các công việc của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

b) Đầu tư nguồn lực vào các hoạt động kinh tế của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức.

d) Thành viên chính thức được bầu đi dự Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; ứng cử, đề cử để bầu vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo quy định; thảo luận, biểu quyết các công việc khác của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

3. Thôi là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh khi có giấy đề nghị.

Điều 10. Nghĩa vụ của thành viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã và các Nghị quyết của Đại hội, của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Tham gia các hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã; đoàn kết, hợp tác với các thành viên khác cùng thực hiện những mục tiêu và lợi ích chung của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh, của thành viên và của cộng đồng nhằm phát triển bền vững.

3. Bảo vệ uy tín của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh, không được nhân danh Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh ủy quyền bằng văn bản.

4. Thực hiện các chế độ báo cáo, thông tin định kỳ theo quy định của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định. Mức hội phí, thể thức đóng hội phí do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy định.

Điều 11. Chấm dứt tư cách thành viên

Tư cách thành viên chấm dứt khi:

1. Giải thể.

2. Phá sản.

3. Tự nguyện ra khỏi hệ thống Liên minh Hợp tác xã hoặc bị khai trừ khỏi hệ thống Liên minh Hợp tác xã. Các trường hợp bị khai trừ do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy định cụ thể.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Đại hội (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên);
2. Ban Chấp hành;
3. Ban Thường vụ;
4. Ủy ban Kiểm tra;
5. Văn phòng;
6. Ban tư vấn và phát triển hợp tác xã;
7. Trung tâm dịch vụ phát triển hợp tác xã;
8. Các đơn vị và pháp nhân trực thuộc (nếu có).

Điều 13. Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Đại hội thành viên (hoặc Đại hội đại biểu thành viên) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Đại hội gồm Đại hội thường kỳ và Đại hội bất thường.

2. Đại hội thường kỳ được tổ chức 05 năm một lần, do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị.

3. Đại hội thường kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

4. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; đề ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ nhiệm kỳ tới;

b) Thảo luận và thông qua Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

c) Thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, đề ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ nhiệm kỳ tới của Ủy ban kiểm tra;

d) Thảo luận và thông qua Điều lệ sửa đổi (nếu có);

đ) Thảo luận, đóng góp ý kiến cho các văn kiện của Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

g) Bầu Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

i) Các nội dung khác (nếu có);

h) Thông qua nghị quyết Đại hội;

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc sửa đổi Điều lệ phải được trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

c) Các nghị quyết của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu tham dự Đại hội đồng ý.

Điều 14. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã tỉnh giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội thành viên (hoặc Đại hội đại biểu thành viên) bầu và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chuẩn y.

Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Chấp hành

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội và Điều lệ này;
b) Lãnh đạo và thông qua việc chuẩn bị các nội dung Đại hội và triệu tập Đại hội theo quy định của Điều lệ;

c) Quyết định chiến lược, chương trình và kế hoạch trung hạn, đề án và phương án thuộc nhiệm vụ hoạt động trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

d) Thông qua báo cáo công tác hằng năm và quyết định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của năm liền kề.

đ) Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra và quy chế thi đua, khen thưởng.

e) Bầu Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

g) Bầu, miễn nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra trong nhiệm kỳ.

h) Quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục kết nạp thành viên chính thức và thành viên liên kết.

i) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật theo quy định hoạt động của Ban Chấp hành.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và theo Điều lệ;

b) Hằng năm, Ban Chấp hành họp 02 (hai) lần vào khoảng thời gian giữa năm và cuối năm; trường hợp Ban Chấp hành họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp, hội nghị của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành (hình thức biểu quyết có thể giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do hội nghị quyết định). Trong trường hợp số biểu quyết tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

đ) Khi Ủy viên Ban Chấp hành không còn giữ chức vụ trong tổ chức của mình thì đương nhiên không giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành; đối với Ủy viên Ban Chấp hành là Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, người kế nhiệm được Ban Chấp hành bầu bổ sung theo quy định.

Điều 15. Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã tỉnh giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên; số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định; nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội và Điều lệ này; tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung hội nghị Ban Chấp hành và Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

c) Triệu tập và chủ trì các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

d) Thực hiện khen thưởng, kỷ luật và đề nghị các cấp, các ngành khen thưởng, kỷ luật theo quy định hoạt động của Ban Thường vụ;

Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực cùng với các Ủy viên Ban Thường vụ tại cơ quan chuyên trách thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ ở điểm d khoản 2 của Điều này và báo cáo với Ban Thường vụ trong phiên họp gần nhất.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này;

b) Hàng năm, Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần vào khoảng thời gian cuối mỗi quý; trường hợp Ban Thường vụ họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành; hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do hội nghị Ban Thường vụ quyết định; trường hợp số biểu quyết tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 16. Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Thường trực

a) Điều hành, giải quyết công việc hằng ngày, thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh; những vấn đề đột xuất phát sinh thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ và báo cáo Ban Thường vụ tại cuộc họp định kỳ của quý gần nhất;

b) Chuẩn bị các nội dung, chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

c) Triệu tập, chủ trì các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

d) Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và tổ chức đoàn thể của tỉnh thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh; quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã;

đ) Lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật; huy động các nguồn lực hợp pháp khác phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

e) Tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của bộ máy giúp việc chuyên trách cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị kinh tế trực thuộc.

g) Hướng dẫn, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của thành viên;

h) Đại diện cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại các cơ quan, tổ chức trong tỉnh và trong nước theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 17. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch của Liên minh Hợp tác xã tỉnh do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ.

2. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh là người đại diện theo pháp luật của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực;

b) Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và theo quy định của Điều lệ;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ và Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và theo thẩm quyền ký các văn bản thuộc chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

đ) Phân công các Phó Chủ tịch phụ trách và thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh; kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc hoạt động của các đơn vị thuộc Cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh, thành viên chính thức và thành viên liên kết;

e) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc được ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) Phó Chủ tịch.

g) Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực, công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng, pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực.

Điều 18. Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã tỉnh do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh bầu. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra là Ủy viên Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

2. Khi Ủy viên Ủy ban Kiểm tra không còn giữ chức vụ trong tổ chức của mình thì đương nhiên không giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra; đối với Ủy viên Ủy ban Kiểm tra là Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, người kế nhiệm được Ban Chấp hành bầu bổ sung theo quy định.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ

a) Tham mưu cho Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện quyết định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; giám sát thực hiện các chương trình, đề án, phương án của Liên minh Hợp tác xã tỉnh; kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

b) Kiến nghị với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh các hình thức kỷ luật đối với các tập thể và cá nhân khi có sai phạm;

c) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên;

d) Tham mưu cho Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đề xuất giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo trước Đại hội và Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh về kết quả và nhiệm vụ công tác của Ủy ban Kiểm tra.

4. Nguyên tắc làm việc

Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã tỉnh chịu sự chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh; hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh ban hành; các nghị quyết và quyết định của Ủy ban Kiểm tra được quyết định theo đa số.

Điều 19. Bộ máy chuyên trách của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh có bộ máy chuyên trách bao gồm cơ quan giúp việc, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị kinh tế trực thuộc. Cơ quan Liên minh

Hợp tác xã tỉnh bao gồm Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh và bộ máy giúp việc chuyên trách.

2. Bộ máy chuyên trách giúp việc của Liên minh Hợp tác xã tỉnh do Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài biên chế được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh có thể hợp đồng thêm lao động và chịu trách nhiệm trả lương (ngoài ngân sách nhà nước) để phục vụ cho hoạt động của mình.

3. Cơ quan giúp việc của Liên minh Hợp tác xã tỉnh bao gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Ban tư vấn và phát triển hợp tác xã;
- c) Trung tâm dịch vụ phát triển hợp tác xã;
- d) Các đơn vị và pháp nhân trực thuộc khác;

Tổ chức và hoạt động của bộ máy giúp việc chuyên trách thực hiện theo quy định của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh được thành lập Hội đồng tư vấn để tư vấn cho Ban Thường vụ, Thường trực triển khai thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ. Các thành viên Hội đồng tư vấn không thuộc biên chế của cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng tư vấn do Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định.

Chương V **TÀI SẢN, TÀI CHÍNH**

Điều 20. Tài sản, tài chính của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Tài sản của Liên minh Hợp tác xã tỉnh bao gồm trụ sở, cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động của cơ quan, đơn vị trực thuộc được hình thành từ nguồn kinh phí của cơ quan, do Nhà nước cấp và do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước viện trợ, tài trợ, tặng theo quy định của pháp luật.

2. Tài chính

a) Các khoản thu bao gồm

- Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí hoạt động theo biên chế được giao và bảo đảm kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao;

- Hội phí do thành viên đóng góp;

- Thu từ hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị trực thuộc;

- Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các thành viên, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi bao gồm: Chi các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính

Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh chịu trách nhiệm quản lý tài sản và tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật, tôn chỉ, mục đích hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh.

Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

Các thành viên, cán bộ và người lao động; các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được Liên minh Hợp tác xã tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 23. Kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã tỉnh vi phạm Điều lệ, nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh, vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến uy tín, gây thiệt hại về vật chất cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh bị xem xét xử lý kỷ luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường theo quy định.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Các thành viên chính thức và thành viên liên kết đơn vị, cán bộ và người lao động thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã tỉnh chịu trách nhiệm thi hành đúng quy định của Điều lệ.

2. Nếu Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có thay đổi, Đại hội ủy quyền cho Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp và thống nhất với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định phê chuẩn.

3. Điều lệ này đã được Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh lần thứ V thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định phê duyệt.

4. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thực hiện Điều lệ này./.

